

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do – Hạnh P

Bản án số: 65/2022/HNGĐ-ST
Ngày 16-8-2022
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Sâm

2. Bà Phan Thị Ánh Duyên

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Cẩm Vân- Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Ngọc Hiền - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê- tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 192/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022, về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2022/QĐXX-ST ngày 14 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1- **Nguyên đơn:** Chị **Trần Thị Huyền T** -sinh năm 1992; nơi ĐKKHKT: Khu P, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Chỗ ở hiện nay: Xóm An Lạc, xã Đồng Lạc, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

2 - **Bị đơn:** Anh **Đoàn Bá T** -sinh năm 1993; nơi cư trú: Khu P, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/6/2022 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Trần Thị Huyền T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Đoàn Bá T tự nguyện kết hôn với nhau ngày 24/7/2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C (nay là xã H), huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở chung nhà với bố, mẹ đẻ anh T tại

khu P, xã H và làm lao động tự do. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau về quan điểm sống, lối sống dẫn tới vợ chồng thường xảy ra nói cãi nhau. Mặc dù hai bên gia đình nhiều lần khuyên giải nhưng không đạt kết quả. Từ tháng 02/2022, chị T về nhà bố mẹ đẻ của chị tại xóm A, xã Đ, huyện Y, tỉnh Phú Thọ ở và vợ chồng sống ly thân đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là: Đoàn Cao L - sinh ngày 29/01/2013, Đoàn Vũ D - sinh ngày 29/01/2013, Đoàn Gia H - sinh ngày 03/11/2021. Hiện các cháu L, D ở cùng anh T, còn cháu H ở với chị T. Nếu ly hôn, chị T đề nghị được trực tiếp con chung là Đoàn Gia H, anh T trực tiếp nuôi 02 con chung là Đoàn Cao L, Đoàn Vũ D và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi nhiều lần; giao văn bản tố tụng cho mẹ đẻ bị đơn; niêm yết văn bản tố tụng theo quy định nhưng bị đơn đều vắng mặt, không hợp tác làm việc nên Tòa án không thu thập được lời trình bày, ý kiến, yêu cầu của bị đơn là anh Đoàn Bá T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trần Thị Huyền T giữ nguyên ý kiến, yêu cầu đã trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định:

- Về tố tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Bị đơn không chấp hành giấy báo của Tòa án, không hợp tác làm việc là chấp hành pháp luật chưa nghiêm túc, làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào: khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Huyền T được ly hôn anh Đoàn Bá T.
2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Huyền T trực tiếp nuôi con chung là Đoàn Gia H- sinh ngày 03/11/2021; giao cho anh Đoàn Bá T trực tiếp nuôi 02 con chung là Đoàn Cao L- sinh ngày 29/01/2013, Đoàn Vũ D- sinh ngày 29/01/2013. Chị T, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì đương sự không yêu cầu.
3. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Do chị T không yêu cầu nên không giải quyết.
4. Về án phí: Chị Trần Thị Huyền T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” và nơi cư trú của bị đơn là tại xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Bị đơn vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa mà không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu, ý kiến của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh T bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc T hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đó là hôn nhân hợp pháp. Lời trình bày của nguyên đơn và chứng cứ thu thập được cho thấy vợ chồng chị T, anh T chung sống hòa thuận được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống, lối sống nên vợ chồng thường nói cãi nhau. Năm 2021, chị T đã 01 lần có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê giải quyết ly hôn với anh T nhưng sau khi được khuyên giải, chị T đã rút đơn về đoàn tụ. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng vẫn không khắc phục được, mặc dù đã được gia đình nhiều lần khuyên giải nhưng không đạt kết quả. Từ tháng 02/2022 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm tới nhau. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục

đích hôn nhân không đạt được nên chị T đề nghị ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Con chung là Đoàn Gia H dưới 36 tháng tuổi, rất cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. 02 con chung là Đoàn Cao Long, Đoàn Vũ Duy đã trên 07 tuổi, có nguyện vọng được sống cùng anh T. Trong thực tế, kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, cháu Hân đã ở cùng chị T còn anh T nuôi dưỡng các cháu L, D và các con chung có cuộc sống sinh hoạt, học tập ổn định. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung, cần giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đoàn Gia H, anh T trực tiếp nuôi các con chung là Đoàn Cao L, Đoàn Vũ D.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[4]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Do đương sự không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Huyền T được ly hôn anh Đoàn Bá T.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là Đoàn Gia H- sinh ngày 03/11/2021 cho chị Trần Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng; giao 02 con chung là Đoàn Cao L- sinh ngày 29/01/2013, Đoàn Vũ D- sinh ngày 29/01/2013 cho anh Đoàn Bá T trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ khi xét xử sơ thẩm cho đến khi các con chung thành niên (Đủ 18 tuổi). Chị Trần Thị Huyền T, anh Đoàn Bá T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2. Chị Trần Thị Huyền T, anh Đoàn Bá T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Huyền T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007696 ngày 21/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị T đã nộp đủ án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho bị đơn hợp lệ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã H;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vũ Văn Thắng